

Phụ lục: Danh mục kỹ thuật phê duyệt bổ sung thực hiện tại Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành
(Ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ-SYT ngày 03/6/2019 của Sở Y tế Nghệ An)

TT	TT 43	Tên danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		III.NHI KHOA				
		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		A. ĐÀU CỔ				
1.	2455	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	x	x		
		XIX. NGOẠI KHOA				
		E. CHÂN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		11. Các kỹ thuật khác				
2.	3904	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	x	x	x	
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		2. Niệu quản				
3.	4098	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản đoạn trên qua nội soi sau phúc mạc	x	x		
		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC				
		A. CÁC KỸ THUẬT				
4.	106	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter	x	x		
5.	108	Kỹ thuật giảm đau qua các lớp cân bụng (TAP)	x	x		
6.	211	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	x		
7.	213	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x		
8.	214	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	x		
9.	215	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x		
10.	226	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	x		
11.	248	Gây mê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x		
12.	277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x		
13.	307	Gây mê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	x		
14.	329	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
15.	384	Gây mê phẫu thuật cắt lồi xương	x	x		
16.	391	Gây mê phẫu thuật cắt mào tinh	x	x		
17.	545	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ,	x	x		

		polyp...)				
18.	546	Gây mê phẫu thuật cắt u lạnh tính vùng mũi dưới 2cm	x	x		
19.	667	Gây mê phẫu thuật có sốc	x	x		
20.	840	Gây mê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
21.	1023	Gây mê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo	x	x		
22.	1031	Gây mê phẫu thuật làm thẳng dương vật	x	x		
23.	1107	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x		
24.	1603	Gây mê phẫu thuật nong niệu đạo	x	x		
25.	1615	Gây mê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x		
		XIII. PHỤ SẢN				
		A. SẢN KHOA				
26.	14	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hóa do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
27.	16	Phẫu thuật tổn thương mạch máu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
28.	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
		B. PHỤ KHOA				
29.	68	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
30.	71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	x	x	x	
31.	109	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	x	x		
32.	112	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	x	x		
33.	115	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	x	x		
34.	116	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x		
35.	175	Bóc nhân xơ vú	x	x	x	
		E. PHÁ THAI				
36.	234	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)	x	x		
		XIV. MẮT				
37.	169	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x	
38.	216	Rạch áp xe túi lệ	x	x	x	
		XVI. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
39.	61.	Điều trị tủy lại		x	x	
40.	78.	Veneer Composite trực tiếp		x	x	
41.	197.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ		x	x	

42.	198.	Phẫu thuật nhỏ răng ngầm	x	x		
		B. HÀM MẶT				
43.	286.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	x	x		
44.	287.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	x	x		
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (Nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
45.	18	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
46.	9	Siêu âm Doppler hốc mắt	x	x		
47.	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x		
		3. Siêu âm ổ bụng				
48.	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
49.	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
50.	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
51.	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
52.	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
53.	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x		
54.	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
55.	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
56.	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
57.	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x		
58.	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x		
59.	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x		
60.	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
		6. Siêu âm tim, mạch máu				
61.	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
62.	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		



63.	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
64.	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
		7. Siêu âm vú				
65.	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
66.	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
		9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt				
67.	61	Siêu âm trong mổ	x	x		
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP				
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm				
68.	622	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	b ỏ
69.	625	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
70.	629	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
71.	632	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
72.	633	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
		XXII. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU				
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
73.	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
74.	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
75.	291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
		XXIII. HÓA SINH				
		A. MÁU				
76.	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x		
77.	24	Định lượng β hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x		
78.	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
79.	46	Định lượng Cortisol	x	x		
80.	65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	x	x		
81.	68	Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)	x	x		
82.	69	Định lượng FT ₄ (Free Thyroxine)	x	x		
83.	98	Định lượng Insulin	x	x		
84.	143	Định lượng Sắt	x	x	x	
85.	147	Định lượng T ₃ (Triiodothyronine)	x	x		

86.	148	Định lượng T ₄ (Thyroxine)	X	X		
87.	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X	X		
XXIV. VI SINH						
D. VI NẤM						
88.	321	Vi nấm nhuộm soi	X	X	X	

SỞ Y TẾ NGHỆ AN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa Yên Thành

XXIV. VI SINH

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 23/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 23/01/2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, viện chức;

Quyết định số 43/2017/QĐ-TTg ngày 11/02/2017 của Bộ Y tế về quy định nội dung trình tự thẩm định và kỹ thuật đối với các phòng khám bệnh, chẩn đoán số 21/2017/TT-BYT ngày 10/03/2017 của Bộ Y tế và các văn bản liên quan đang trong quá trình trình duyệt chấp thuận ban hành theo thẩm quyền của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định 87/2017/NĐ-CP ngày 23/09/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào kết quả thẩm định danh mục kỹ thuật và kết luận của Hội đồng chuyên môn Bộ Y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa Yên Thành số kỹ thuật (danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở phân công, phân cấp quản lý và danh mục kỹ thuật được duyệt, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Yên Thành có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn và quản lý việc thực hiện.

Căn cứ thẩm định được Bộ Y tế phê duyệt và bổ sung, là cơ sở để đưa vào thực hiện và có giá trị hiệu lực kể từ ngày ban hành, trừ khi Bộ Y tế có quyết định khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và các phòng ban liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện. Các cơ quan (bộ phận) có phòng ban Văn phòng Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi này:
 Ban Giám đốc
 Văn phòng Bộ Y tế
 Văn phòng Sở Y tế
 Văn phòng Bệnh viện

